TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/**2021/DS-PT
Ngày 20/8/2021
V/v: "*Kiện đòi tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam, ông Lê Tuấn Tú

- *Thư ký phiên toà*: Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Khánh Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2021/TLPT-DS ngày 20/7/2021 về việc "*Tranh chấp kiện đòi tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn*:** Ông Đinh Trung T, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *(Có mặt tại phiên tòa).*

* ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1975;

Chị Bùi Thị H, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh D có mặt tại phiên tòa, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn D: Ông Đỗ Đình H.

Địa chỉ: Thôn 7, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. *(Có mặt tại phiên tòa).*

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Trần Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt tại phiên tòa).*

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Đinh Trung T, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn ông Đinh Trung T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết ông đã cho anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H vay tiền nhiều lần, có khoản vay đã trả, có khoản vay chưa trả. Hình thức vay và trả là khi vay thì ông T ghi việc vay tiền vào sổ của ông T còn anh D chị H ký nhận nợ bên dưới, khi trả thì ông gạch chéo hoặc ghi "đã trả tiền". Các lần trả tiền đều do anh D hoặc chị H trực tiếp mang tiền đến nhà ông T trả, khi trả tiền xong cả cả gốc và lãi ông gạch sổ coi như khoản vay đó đã được trả xong. Hiện tại anh D chị H còn nợ ông T các khoản tiền vay cụ thể:

Khoản vay ngày 23/4/2012 (âm lịch) có chữ ký người vay của chị H và anh D, số tiền vay là 50.000.000 đồng. Đây là số tiền do vợ chồng ông bán đất cho anh D chị H. Khi trả tiền anh D chị H có đặt vấn đề vay lại để kinh doanh dịch vụ vận tải xe tải chở gỗ và mua bán gỗ nguyên liệu cho nhà máy giấy An Hòa, ông đồng ý hai bên đã viết giấy vay tiền vào ngày 23/4/2012 số tiền 50.000.000 đồng, anh D chị H đã ký người vay phía dưới trang giấy. Khoản vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) anh D vay vào ngày 04/9/2012; khoản vay 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) anh D vay vào ngày 06/01/2013 (âm lịch), 02 khoản vay này chỉ có chữ ký của anh D, mình anh D trực tiếp giao dịch, nhận tiền và ký nhận nợ, không biết chị H có biết hay không.

Các khoản vay trên ông T đã đòi nhiều lần nhưng anh D cứ khất lần không trả tiền, việc đòi tiền là do ông T đến nhà đòi và anh D khất nợ bằng miệng, không có văn bản giấy tờ gì.

Nay ông T đề nghị Tòa án giải quyết: Đối với khoản vay 50.000.000 triệu đồng có chữ ký của anh D chị H thì buộc anh D chị H cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật. Đối với khoản vay 16.000.000 đồng và 20.000.000 đồng chỉ có chữ ký của anh D thì buộc một mình anh D có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đinh Trung T xác định toàn bộ số tiền ông đứng ra cho anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H vay là tài sản chung của ông và vợ ông là bà Trần Thị H, do đó ông yêu cầu anh D và chị H phải trả số tiền đã vay cho ông và bà H.

* Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn D không có văn bản trình bày ý kiến, không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, *công khai chứng cứ* và hòa giải nên không có lời khai, tuy nhiên theo tài liệu do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án là biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện S với anh D ngày14/4/2020 trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn ông Đinh Trung T và bị đơn anh D chị H, anh D khai như sau:

Do cần tiền làm ăn nên anh có vay tiền của ông Đinh Trung T nhiều lần, khi vay ông T viết nội dung vay tiền vào sổ của ông T, khi trả xong thì gạch đi. Anh xác định anh có vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào ngày 04/9/2012 dương lịch hẹn ngày 10/9/2013 trả, lãi suất 2%/tháng nhưng không ghi vào giấy vay tiền và vay số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) vào ngày 06/01/2013 âm lịch lãi 2% hẹn ngày 7/1/2013 trả nếu không trả được thì vay lại 5%/tháng. Anh nhất trí trả cho ông T số tiền nợ của 02 khoản vay trên theo quy định của pháp luật. Đối với khoản vay 50.000.000đ vào ngày 23/4/2012 (âm lịch), hẹn 23/6/2012 trả hết có chữ ký của anh và vợ anh chị Bùi Thị H anh D cho rằng khi vay số tiền này chỉ có mình anh và ông T thực hiện việc giao dịch, sau này ông T yêu cầu chị H vợ anh ký vào giấy vay tiền, Anh xác định giấy vay tiền lập ngày 23/4/2012 âm lịch nhưng đến ngày 03/6/2012 dương lịch anh đã trả hết số tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận cho ông T nên anh không còn nợ khoản vay nào nữa.

** Bị đơn chị Bùi Thị H trình bày như sau:*

Trước đây gia đình chị có được vay tiền của ông T, số tiền vay 50.000.000 đồng, khi vay có viết giấy tờ (ký sổ của ông T). Nội dung vay như thế nào chị không biết vì do anh D là người trực tiếp giao dịch, cầm tiền, sử dụng vào mục đích kinh doanh gỗ của anh D. Sau này gia đình cũng đã trả hết tiền cho ông T, việc trả tiền do anh D là người trực tiếp trả. Thời gian vay và trả chị không nhớ. Ngoài ra anh D còn vay của ông T 02 lần, số tiền và thời gian vay như thế nào chị không biết. Do anh D có lần nhờ chị trả tiền lãi hộ thì chị mới biết anh D vay tiền của ông T. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh D có nghĩa vụ trả tiền cho ông T vì các khoản vay trên không liên quan gì đến chị.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày như sau:*

Trong năm 2012, 2013 anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H có nhiều lần vay tiền của gia đình bà, số tiền cho vay là tài sản chung của ông bà nhưng ông T là người đứng ra cho vay, mọi giao dịch giữa ông T với anh D chị H như thế nào bà không biết. Bà nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh D, chị H cùng có nghĩa vụ thanh toán trả cho vợ chồng

bà khoản tiền gốc 50.000.000đ và lãi theo quy định, buộc anh D có nghĩa vụ thanh toán trả cho vợ chồng bà khoản tiền gốc và lãi của khoản vay 20.000.000đ và khoản vay 16.000.000đ theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 353/GĐ-KTHS ngày 08/4/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên "D – Nguyễn Văn D" trong giấy vay tiền (do ông T cung cấp: Giấy vay tiền ngày 23/4/2012, ngày 4/9/2012 và ngày 06/01/2013) với chữ viết, chữ ký mang tên "D – Nguyễn Văn D" (Do Toà án thu thập: Biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Văn D, đơn đề nghị do anh D viết, các chữ ký do anh D ký trả tiền cho ông T) là do cùng một người viết và ký. Chữ ký "H" trong trong giấy vay tiền ngày 23/4/2012 (do ông T cung cấp) với chữ ký "H" (Do Toà án thu thập: Biên bản ghi lời khai chị H, biên bản giao nhận văn bản tố tụng cho chị H, chữ ký do chị H ký trả tiền cho ông T) là do cùng một người ký.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ nhưng không thoả thuận được. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, đã quyết định:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 147, 161, 162, 185, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 166, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 103/2015 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 159 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2011; Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Trung T đối với yêu cầu trả khoản tiền gốc cụ thể:

- Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đinh Trung T và bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Chia ra anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Trung T và bà Trần Thị H số tiền gốc vay ngày 04/9/2012 (dương lịch) là 20.000.000 đồng và vay ngày 06/01/2013 (âm lịch) là 16.000.0000 đồng, tổng cộng là 36.000.000 (ba mươi sáu triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Trung T đối với yêu cầu trả khoản tiền lãi theo đơn khởi kiện là 174.520.000 (một trăm bẩy mươi bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí giám định, án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/6/2021, anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, với lý do anh chị xác định đã trả toàn bộ các khoản tiền vay đối với ông Đinh Trung T, trên thực tế anh chị không còn nợ tiền ông T nữa. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc anh chị phải có trách nhiệm trả tiền cho ông T anh chị không nhất trí.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn D và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đỗ Đình H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh D xác định từ năm 2010 đến 2012 vợ chồng anh nhiều lần vay tiền của ông Đinh Trung T, khi vay tiền của ông T đều được ông T ghi vào sổ, vợ chồng anh có ký vay tiền dưới các nội dung vay tiền trong sổ của ông T. Anh xác định nội dung 03 giấy vay tiền ngày 23/4/2012 âm lịch; 04/9/2012 và 06/01/2013 ông T xuất trình để khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh thanh toán là đúng các khoản anh và vợ anh đã vay, chữ ký trong giấy vay tiền 50.000.000đ đúng là của anh và chị H vợ anh. Tuy nhiên anh D cho rằng khi vay ông T số tiền 50.000.000đ vào ngày 23/4/2012 âm lịch, lãi xuất hai bên thỏa thuận là 4%/ tháng, thời hạn trả ngày 23/6/2012 âm lịch chị H vợ anh không có mặt chỉ có anh đứng ra giao dịch và ký vay, sau đó ông T mang sổ vào nhà anh yêu cầu vợ anh ký vào giấy vay tiền thì lúc đó vợ anh mới ký. Đến ngày 03/6/2012 dương lịch anh có mang trả cho ông T số tiền 15.000.000đ, hai bên thống nhất viết lại giấy vay tiền trừ đi 15.000.000đ còn lại viết giấy vay 35.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi 180.000đ/ngày, vì anh thấy lãi xuất thỏa thuận như vậy quá cao nên anh không trả tiền nữa mà hai bên thống nhất gạch bỏ nội dung vay 35.000.000đ này và viết lại giấy vay tiền 50.000.000đ thỏa thuận lại lãi xuất là 5%/ngày. Khi đã viết lại giấy vay tiền này ông T không gạch bỏ giấy vay tiền ngày 23/4/2012 âm lịch. Như vậy, giấy vay số tiền 50.000.000đ ngày 03/6/2012 là viết lại của giấy vay số tiền 50.000.000đ ngày 23/4/2012 âm lịch. Mà khoản vay 50.000.000đ trong giấy vay ngày 03/6/2012 anh đã trả nhiều lần cho ông T từ sau khi viết giấy vay đến ngày 30/10/2012 anh đã trả tổng số tiền gốc và lãi là 59.500.000đ và ghi còn nợ lại số tiền lãi là 16.000.000đ. Do anh chưa thanh toán được nên ngày 06/1/2013 anh và ông T thống nhất ghi sang giấy vay tiền mới số tiền anh vay của ông T là 16.000.000đ. Anh cho rằng giấy vay 16.000.000đ này thực chất là số tiền lãi của khoản vay 50.000.000đ ngày 03/6/2012. Lãi suất anh đã trả cho

ông T là mức lãi vượt quá quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án xem xét lại. Còn khoản vay 20.000.000đ ngày 04/9/2012 anh đã trả hết, trong đó anh trả bằng tiền mặt một phần và trả bằng vật liệu xây dựng cụ thể là xi măng, tuy nhiên khi trả tiền và vật liệu xây dựng cho ông T anh không lập văn bản, giấy tờ gì nên không có tài liệu để chứng minh. Tuy nhiên trong giấy vay tiền đã ghi nội dung trả hết nhưng ông T không gạch sổ đi.

Nguyên đơn ông Đinh Trung T không đồng ý với lời khai của anh D tại phiên tòa phúc thẩm. Khoản vay 50.000.000đ ngày 23/4/2012 và khoản vay ngày 03/6/2012 là 2 khoản vay riêng biệt không liên quan gì đến nhau. Khoản vay 20.000.000đ ông xác định anh D chưa trả, nếu trả rồi ông đã gạch sổ vay. Khoản vay 16.000.000đ đúng là số tiền lãi còn nợ lại của khoản vay ngày 03/6/2012 ông xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 16.000.000đ đồng ông không yêu cầu anh D trả khoản tiền này nữa. Bị đơn nhất trí về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu trả số tiền 16.000.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST, ngày 25/5/2021 Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu buộc anh D phải trả cho ông T bà H số tiền 16.000.000đ đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đinh Trung T và bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Chia ra anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Trung T và bà Trần Thị H số tiền gốc vay ngày 04/9/2012 (dương lịch) là 20.000.000 đồng.

Anh D chị H chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông T bà H.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tống đạt Bản án cho các anh D chị H qua đường bưu điện. Ngày 15/6/2021 anh D chị H nhận được bản án sơ thẩm đã làm đơn kháng cáo nộp ngày 28/6/2021 và thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Do đó, đơn kháng cáo của anh D, chị H là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đinh Trung T rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn D trả số tiền 16.000.000đ được bị đơn nhất trí. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu trả số tiền 16.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 06/01/2013.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng*:*

Ông Đinh Trung T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông và bà H số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 23/4/2012, anh Nguyễn Văn D phải trả cho ông số tiền gốc là 20.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 04/9/2012 và số tiền gốc là 16.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 06/01/2013. Ông T chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đòi nợ của mình bằng các chứng cứ sau: 01 trang giấy kẻ ngang thể hiện việc vay tiền lập ngày 23/4/2012 (âm lịch), nội dung *"Tôi Nguyễn Văn D vợ Bùi Thị H…có vay của ông bà T H số tiền 50.000.000đ…hẹn 23/6/2012 trả hết"*, người vay ký anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H; 01 trang giấy kẻ ngang thể hiện việc vay tiền lập ngày 4/9/2012 (dương lịch), nội dung *"D H vay ông T 20.000.000đ…hẹn 10/9 trả hết"*, người vay ký anh Nguyễn Văn D; 01 trang giấy kẻ ngang thể hiện việc vay tiền lập ngày 6/1/2013 (âm lịch), nội dung *"anh D Hg vay 16.000.000đ…hẹn 7/1/2013 trả hết"*, người vay anh

Nguyễn Văn D ký tên. Hình thức vay và trả là khi vay ông T ghi việc vay tiền vào sổ của ông, anh D chị H ký nhận nợ bên dưới, khi trả thì ông gạch chéo hoặc ghi "đã trả tiền". Quá trình giải quyết vụ án anh D chị H cho rằng số tiền vay 50.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 23/4/2012 và số tiền vay 50.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 03/6/2012 thực chất là một khoản vay, anh chị đã thanh toán đủ số tiền này cho ông T nhưng ông T không thừa nhận. Ông T cho rằng đây là hai khoản vay khác nhau, ông T xác định khoản vay ngày 03/6/2012 như anh D chị H khai đã thanh toán cho ông là khoản vay khác không liên quan đến khoản vay ngày 23/4/2012 hai bên không có tranh chấp nên ông không khởi kiện đối với giấy vay này, ông khởi kiện yêu cầu anh D chị H thanh toán số tiền 50.000.000 đồng trong giấy vay ngày 23/4/2012.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh D cho rằng khi vay ông T số tiền 50.000.000đ vào ngày 23/4/2012 âm lịch, lãi xuất hai bên thỏa thuận là 4%/ tháng, thời hạn trả ngày 23/6/2012 âm lịch chị H vợ anh không có mặt chỉ có anh đứng ra giao dịch và ký vay, sau đó ông T mang sổ vào nhà anh yêu cầu vợ anh ký vào giấy vay tiền thì lúc đó vợ anh mới ký. Sau đó ngày 03/6/2012 dương lịch anh có mang trả cho ông T số tiền 15.000.000đ, hai bên thống nhất viết lại giấy vay tiền trừ đi 15.000.000đ còn lại viết giấy vay 35.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi 180.000đ/ngày, việc thỏa thuận này đã được ghi vào sổ của ông T, sau khi đã viết vào sổ do anh thấy lãi xuất thỏa thuận như vậy quá cao nên anh không trả tiền nữa mà hai bên thống nhất gạch bỏ nội dung vay 35.000.000đ này và viết lại giấy vay tiền 50.000.000đ thỏa thuận lại lãi xuất là 5%/ngày. Khi đã viết lại giấy vay tiền này ông T không gạch bỏ giấy vay tiền ngày 23/4/2012 âm lịch. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng anh D thường xuyên vay tiền của ông T, sau khi thanh toán khoản vay các bên gạch sổ hoặc ghi thanh toán hết, tuy nhiên khoản vay 50.000.000đ ngày 23/4/2012 âm lịch không bị gạch bỏ, không ghi thanh toán hết, giấy ghi nội dung anh D vay tiền vào ngày 03/6/2012 chỉ có một mình anh D ký người vay tiền, nội dung anh D vay của ông T số tiền 35.000.000đ vào ngày 03/6/2012 là viết ở trang sau của nội dung anh D vay số tiền 50.000.000đ vào ngày 03/6/2012 và nội dung vay tiền này đã được gạch chéo thể hiện đã thanh toán xong. Ngoài ra anh D không xuất trình được tài liệu nào khác thể hiện anh đã thanh toán xong số tiền vay 50.000.000đ vào ngày 23/4/2012 âm lịch cho ông T, do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của anh D về nội dung này.

Đối với khoản vay 20.000.000đ ngày 04/9/2012 tại phiên tòa phúc thẩm anh D cho rằng đã trả hết cho ông T, cụ thể anh trả bằng tiền mặt một phần và trả bằng vật liệu xây dựng là xi măng nên trong giấy vay tiền đã ghi nội dung

anh trả hết tiền nhưng ông T không gạch sổ đi. Tuy nhiên trong giấy vay tiền mà đương sự xuất trình chỉ thể hiện nội dung hẹn trả 10/9 trả hết không thể hiện nội dung đã trả hết số tiền vay. Anh D không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh anh đã trả tiền và vật liệu xây dựng cho ông T. Hơn nữa Hội đồng xét xử thấy cũng nội dung yêu cầu trả tiền này tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2020 trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn ông Đinh Trung T và bị đơn anh D chị H (BL 93) do Tòa án nhân dân huyện S thụ lý giải quyết anh D trình bày: *" Do tôi cần tiền làm ăn kinh doanh nên có hỏi vay tiền ông Đinh Trung T, địa chỉ Thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Tôi vay ông T nhiều lần cụ thể như sau: Lần 1 ngày 04/9/2012 dương lịch tôi có vay của ông Đinh Trung T số tiền 20.000.000, hẹn đến ngày 10/9/2013 sẽ trả hết số tiền trên. Hai bên thỏa thuận về lãi suất 2% nhưng không ghi vào giấy vay tiền ...Tôi nhất trí trả 02 khoản vay trên cho ông T"*. Do đó không đủ căn cứ xác định anh D đã trả cho ông T số tiền vay 20.000.000đ ngày 04/9/2012.

Đối với khoản vay 16.000.000đ ngày 06/01/2013 tại phiên tòa phúc thẩm ông Đinh Trung T rút phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn D trả số tiền 16.000.000đ được bị đơn nhất trí. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu trả số tiền 16.000.000 đồng trong giấy vay tiền ngày 06/01/2013.

Đối với việc anh D chị H cho rằng ông T đã tự ý ghi thêm chữ vào các giấy vay tiền, nhưng theo ông T ông chỉ ghi thêm số tháng tiền lãi vào bên dưới giấy vay tiền để buộc anh D chị H phải thanh toán tiền lãi cho ông. Xét thấy, số tiền ghi trong các giấy vay tiền ngày 23/4/2012, ngày 04/9/2012 và ngày 6/01/2013 đều đã được các bên thừa nhận về số tiền gốc, trên giấy vay không có sự chỉnh sửa hay tẩy xóa về số tiền gốc, hơn nữa yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi của ông T do hết thời hiệu khởi kiện không được chấp nhận. Do đó, việc ông T viết thêm số tháng tiền lãi vào phía dưới các giấy vay tiền không làm thay đổi số tiền gốc và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh D và chị H.

Như vậy, cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trên: Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đinh Trung T và bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 50.000.000 (*năm mươi triệu)* đồng vay ngày 23/4/2012 âm lịch, chia ra anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng)*, chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả 25.000.000đ *(hai mươi lăm triệu đồng)*. Buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Trung T và bà Trần Thị H số tiền gốc vay ngày 04/9/2012 (dương lịch) là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng)* là có cơ sở.

Do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của anh D, chị H cho rằng đã trả toàn bộ các khoản tiền vay cho ông Đinh Trung T.

Anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H phải chịu chi phí giám định theo quy định.

[3] Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Do ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh D phải trả số tiền vay 16.000.000đ nên anh D chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải trả 25.000.000đ + 20.000.000đ = 45.000.000đ x 5% = 2.250.000đ. Chị chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.250.000đ.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST, ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang như sau:

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu buộc anh D phải trả cho ông T bà H số tiền 16.000.000đ *(mười sáu triệu đồng).*

- Buộc anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đinh Trung T và bà Trần Thị H số tiền nợ gốc là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Chia ra anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả 25.000.000 (*hai mươi lăm triệu*) đồng, chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả 25.000.000 (*hai mươi lăm triệu*) đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho ông Đinh Trung T và bà Trần Thị H số tiền gốc vay ngày 04/9/2012 (dương lịch) là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Trung T đối với yêu cầu trả khoản tiền lãi theo đơn khởi kiện là 174.520.000đ (*một trăm bẩy mươi bốn triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).*

3. Về chi phí giám định:

Anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Đinh Trung T số tiền chi phí giám định là 3.720.000đ (*ba triệu bẩy trăm hai mươi nghìn đồng),* trong đó: Anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho ông T 1.860.000đ *(một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).* Chị Bùi Thị H có nghĩa vụ trả cho ông T 1.860.000đ (*một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).*

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 2.250.000 đồng (*hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*. Chị Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 1.250.000 đồng *(một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Miễn khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận cho ông Đinh Trung T.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh D chị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/8/2021)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Phạm Ngọc Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam **Lê Tuấn Tú** **Phạm Ngọc Hà**